

**CÔNG TY CỔ PHẦN MIỀN ĐÔNG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	01 - 02
Báo cáo kiểm toán độc lập	03 - 04
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2015	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	08 - 09
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 33

CÔNG TY CỔ PHẦN MIỀN ĐÔNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Miền Đông (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Miền Đông được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 3600256545 ngày 12 tháng 04 năm 2006 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 31 tháng 03 năm 2015.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại đường số 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 108.890.310.000 đồng.

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Tập đoàn bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Công Khai	Chủ tịch
Ông Nguyễn Lương Quân	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Thái	Thành viên
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên
Ông Phan Văn Vũ	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Tập đoàn bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Huỳnh Anh Dũng	Trưởng Ban
Ông Nguyễn Thành Đô	Thành viên
Ông Lê Hải Hà	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Tập đoàn bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Đức Thái	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ 01/12/2015)
Ông Nguyễn Công Khai	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ 01/12/2015)
Ông Nguyễn Đức Thái	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ 01/12/2015)
Ông Lê Quang Trung	Phó Tổng Giám đốc

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN MIỀN ĐÔNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên tập đoàn RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho các năm tài chính tiếp theo của Tập đoàn.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2016

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN ĐỨC THÁI
Tổng giám đốc

Số: 16.157D/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
CÔNG TY CỔ PHẦN MIỀN ĐÔNG

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Miền Đông (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2016 từ trang 5 đến trang 33 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Miền Đông và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2016

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐẶNG THỊ HỒNG LOAN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0425-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN



HỒ NAM ĐÔNG

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2657-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN MIỀN ĐÔNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		229.688.928.360	204.384.229.629
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	19.312.093.569	5.642.141.398
1. Tiền	111		4.162.093.569	5.642.141.398
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.150.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	16.782.000.000	17.136.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		16.782.000.000	17.136.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		86.907.638.675	80.423.459.548
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	83.663.613.362	62.889.069.070
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	8.763.940.728	11.682.256.584
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	4.228.685.345	14.670.160.842
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(9.748.600.760)	(8.818.026.948)
IV. Hàng tồn kho	140		105.663.147.187	101.182.628.683
1. Hàng tồn kho	141	5.7	105.887.440.022	101.571.006.965
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(224.292.835)	(388.378.282)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.024.048.929	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		73.739.537	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		950.309.392	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		132.602.635.448	165.256.697.325
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		181.704.000	181.704.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	181.704.000	181.704.000
II. Tài sản cố định	220		31.010.005.428	33.567.369.407
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	30.358.622.096	32.951.569.398
Nguyên giá	222		45.646.327.993	48.652.079.493
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.287.705.897)	(15.700.510.095)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	651.383.332	615.800.009
Nguyên giá	228		786.148.900	1.058.277.900
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(134.765.568)	(442.477.891)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.10	14.818.704.448	39.010.759.532
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		14.818.704.448	39.010.759.532
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		7.496.553.800	7.782.200.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.2	7.496.553.800	8.032.200.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(250.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		79.095.667.772	84.714.664.386
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	69.265.289.814	73.815.197.014
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	6.8	9.830.377.958	10.899.467.372
3. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		362.291.563.808	369.640.926.954

CÔNG TY CỔ PHẦN MIỀN ĐÔNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		220.553.967.332	233.424.487.647
I. Nợ ngắn hạn	310		220.002.967.332	232.808.760.447
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	37.320.325.292	48.400.716.788
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	56.220.991.919	28.087.911.759
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	21.072.130.678	6.755.708.884
4. Phải trả người lao động	314		4.292.071.579	3.725.767.900
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	8.535.624.052	292.314.549
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	9.865.876.114	9.069.302.375
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	80.694.379.116	134.245.589.610
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.001.568.582	2.231.448.582
II. Nợ dài hạn	330		551.000.000	615.727.200
1. Phải trả dài hạn khác	337		-	615.727.200
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	551.000.000	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		141.737.596.476	136.216.439.307
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.18	141.737.596.476	136.216.439.307
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		108.890.310.000	108.890.310.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		108.890.310.000	108.890.310.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.453.130.042	1.453.130.042
3. Cổ phiếu quỹ	415		(2.967.507.603)	(2.967.507.603)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		27.176.891.803	27.176.891.803
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.615.358.670	1.663.615.065
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		1.663.615.065	-
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.951.743.605	1.663.615.065
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.569.413.564	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		362.291.563.808	369.640.926.954

NGƯỜI LẬP BIỂU



KHÚC THỊ THANH HOÀI

KẾ TOÁN TRƯỞNG



MAI XUÂN NGỢI

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2015

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN ĐỨC THÁI

CÔNG TY CỔ PHẦN MIỀN ĐÔNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 02 – DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		242.798.960.439	160.458.145.556
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	242.798.960.439	160.458.145.556
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	215.030.696.222	176.812.036.676
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		27.768.264.217	(16.353.891.120)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.101.413.726	7.173.487.244
7. Chi phí tài chính	22	6.3	9.217.877.525	17.740.690.312
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		9.217.877.525	17.297.890.312
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24		(623.080.738)	-
9. Chi phí bán hàng	25	6.4	8.056.257.893	5.975.427.847
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	12.350.022.075	19.593.674.551
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.377.560.288)	(52.490.196.586)
12. Thu nhập khác	31	6.6	7.646.050.055	4.618.650.195
13. Chi phí khác	32		456.479.635	3.435.550.139
14. Lợi nhuận khác	40		7.189.570.420	1.183.100.056
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.812.010.132	(51.307.096.530)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	2.029.198.087	(103.637.291)
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.8	1.069.089.414	(10.899.467.372)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.713.722.631	(40.303.991.867)
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		2.614.309.067	(40.303.991.867)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		99.413.564	-
21. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70		253	(3.904)

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





KHÚC THỊ THANH HOÀI

MAI XUÂN NGỢI

NGUYỄN ĐỨC THÁI

CÔNG TY CỔ PHẦN MIỀN ĐÔNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 03 – DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.812.010.132	(51.307.096.530)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02		3.108.211.215	3.523.379.271
Các khoản dự phòng	03		766.488.365	8.480.823.229
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.052.258.421)	(9.287.968.032)
Chi phí lãi vay	06		9.217.877.525	17.297.890.312
Các khoản điều chỉnh khác	07		623.080.738	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		12.475.409.554	(31.292.971.750)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(8.365.062.331)	34.489.274.011
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(4.316.433.057)	(3.943.485.535)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		38.330.334.297	10.143.781.804
Tăng giảm chi phí trả trước	12		4.339.804.025	1.037.237.714
Tiền lãi vay đã trả	14		(9.311.356.092)	(17.490.953.738)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(331.134.621)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	356.296.688
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		33.152.696.396	(7.031.955.427)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(17.143.572.326)	(5.384.911.313)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		46.735.624.869	3.586.909.093
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		354.000.000	54.612.693.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(17.136.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	1.337.024.244
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.101.413.726	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		31.047.466.269	37.015.715.024

CÔNG TY CỔ PHẦN MIỀN ĐÔNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		140.988.198.759	196.030.115.146
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(193.988.409.253)	(240.110.950.943)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		-	(2.355.959.320)
4. Tiền thu từ vốn góp của cổ đông không kiểm soát	37		2.470.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(50.530.210.494)	(46.436.795.117)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		13.669.952.171	(16.453.035.520)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		5.642.141.398	22.095.176.918
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		19.312.093.569	5.642.141.398

NGƯỜI LẬP BIỂU

KHÚC THỊ THANH HOÀI

KẾ TOÁN TRƯỞNG

MAI XUÂN NGỢI

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2015

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN ĐỨC THÁI

CÔNG TY CỔ PHẦN MIỀN ĐÔNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Miền Đông (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 3600256545 ngày 12 tháng 04 năm 2006 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 31 tháng 03 năm 2015.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại đường số 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 108.890.310.000 đồng.

Công ty có đầu tư vào 4 công ty con như được trình bày tại mục 1.7 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn").

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 124.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, Xây lắp.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp, đường dây và trạm biến thế điện, công trình cấp thoát nước;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp; hệ thống điện, nước;
- Kinh doanh bất động sản;
- Khai thác khoáng sản, sản xuất, mua bán vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng (gạch, ngói, sét, kaolin, đá, sỏi, cấu kiện bê tông, sắt, thép);
- Sàn giao dịch bất động sản;
- Tư vấn giám sát thi công công trình dân dụng - công nghiệp.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

1.5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm, Công ty thành lập các công ty con như sau:

- Công ty TNHH Xây Dựng Dân Dụng – Công Nghiệp Miền Đông 2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313101694 ngày 20 tháng 01 năm 2015 của Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh.
- Công ty TNHH Xây Dựng – Tư Vấn Công Trình Miền Đông 9. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 03131101704 ngày 20 tháng 01 năm 2015 của Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN MIỀN ĐÔNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

- Công ty TNHH Đầu tư – Xây dựng Miền Đông 1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3603316231 ngày 27 tháng 10 năm 2015 của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai.
- Công ty TNHH Đầu tư – Xây dựng Miền Đông 3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3603317299 ngày 02 tháng 11 năm 2015 của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai.

1.6. Cấu trúc Tập đoàn

Vào đầu năm 2015, Tập đoàn được cấu trúc theo hình thức sở hữu trực tiếp gồm công ty mẹ và 4 công ty con trực tiếp.

1.7. Số lượng các công ty con được hợp nhất

Công ty con trực tiếp Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Xây Dựng Dân Dụng - Công Nghiệp Miền Đông 2	83/28 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM	51%	51%	51%
Công ty TNHH Xây Dựng - Tư Vấn Công Trình Miền Đông 9	83/28 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM	51%	51%	51%
Công ty TNHH Đầu tư – Xây dựng Miền Đông 1	Số N3/4, KP1, Phường Long Bình Tân, Tp. Biên Hòa	51%	51%	51%
Công ty TNHH Đầu tư – Xây dựng Miền Đông 3	Đường số 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Tp. Biên Hòa	51%	51%	51%

Đến thời điểm 31/12/2015, Công ty chưa góp đủ vốn tại các công ty con theo số vốn điều lệ tại các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

1.8. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty liên kết:				
Công ty Cổ phần Miền Đông - Đầu tư Hạ tầng	Khu phố 3, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	29%	29%	29%
Công ty Cổ phần Miền Đông - Cơ khí Điện máy	Đường số 1, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, Đồng Nai	41%	41%	41%
Công ty Cổ phần Địa Ốc Miền Đông	131 Nguyễn Hữu Cảnh P.22, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh	40%	40%	40%

1.9. Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong năm báo cáo

Trong năm, Tập đoàn đã chuyển nhượng dự án Nhà máy Xi Măng Minh Tâm cho Công ty Cổ phần Xuân Thành Group theo hợp đồng số 20-2015/MDC ngày 26 tháng 02 năm 2015 và Dự án Thủy điện Đa Dâng 3 cho Công ty Cổ phần Thủy Điện Đa Dâng 3 theo hợp số 29/HĐKT-MDC ngày 31 tháng 10 năm 2014 – Xem thêm mục 5.10.

CÔNG TY CỔ PHẦN MIỀN ĐÔNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Trong năm, Tập đoàn đã áp dụng các hướng dẫn kế toán mới của Bộ Tài chính như được trình bày tại mục 4.1 dưới đây.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

4.1. Áp dụng các Hướng dẫn kế toán mới

Tập đoàn áp dụng Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính để soạn thảo và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

4.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

CÔNG TY CỔ PHẦN MIỀN ĐÔNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

4.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác theo nguyên tắc là: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua bán; Phải thu nội bộ là khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo.

Nợ phải thu chỉ được ghi nhận tới mức có thể thu hồi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua. Khi mua hàng tồn kho nếu được nhận kèm thêm sản phẩm, hàng hóa, thiết bị, phụ tùng thay thế (phòng ngừa trường hợp hỏng hóc) thì xác định và ghi nhận riêng sản phẩm, phụ tùng thiết bị thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi chi phí mua của hàng tồn kho.

Dự án bất động sản đang xây dựng để bán được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc giải phóng mặt bằng, đền bù giải tỏa và xây dựng bao gồm các chi phí đi vay. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành căn hộ hoặc dự án dân cư và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho và hạch toán hàng tồn kho

- Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng

CÔNG TY CỔ PHẦN MIỀN ĐÔNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

4.6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.7. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2015</u>
+ Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
+ Máy móc thiết bị	03 - 15 năm
+ Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07 năm

4.8. Tài sản cố định vô hình

Ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

4.9. Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MIỀN ĐÔNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

4.10. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Tập đoàn nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong lãi lỗ của công ty liên kết sau ngày mua.

Các khoản phân phối từ công ty liên kết sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Tập đoàn được yêu cầu trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Tập đoàn đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

4.11. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả, được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

CÔNG TY CỔ PHẦN MIỀN ĐÔNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

4.13. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập quy định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.14. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của năm đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng như trình bày tại mục 4.15.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định, bất động sản đầu tư và chi phí thanh lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN MIỀN ĐÔNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

4.15. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

4.16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

4.17. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay kể cả số trích trước và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong báo cáo tài chính.

4.18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận đầy đủ các chi phí phát sinh trong năm.

4.19. Lãi/lỗ trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.20. Lãi/lỗ suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.21. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 22%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế theo quy định hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN MIỀN ĐÔNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

- + Sản phẩm đá 10%
- + Dịch vụ xây lắp 10%
- + Các dịch vụ khác 10%

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.22. Nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tập đoàn mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

4.23. Số liệu so sánh

Năm 2015 là năm đầu tiên Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất, do vậy số liệu so sánh trên báo cáo hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là số liệu trên báo cáo riêng của công ty mẹ.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	1.347.353.832	3.650.005.049
Tiền gửi ngân hàng	2.814.739.737	1.992.136.349
Các khoản tương đương tiền	15.150.000.000	-
Cộng	19.312.093.569	5.642.141.398

Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi tại các ngân hàng hàng với kỳ hạn 1 tháng trong đó bao gồm khoản tiền gửi 4.000.000.000 đồng đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng – Xem thêm 5.18.

CÔNG TY CỔ PHẦN MIỀN ĐÔNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

5.2. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Đầu năm		VND
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	
Tiền gửi có kỳ hạn	16.782.000.000	16.782.000.000	17.136.000.000	17.136.000.000	

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn từ 5 đến 12 tháng với lãi suất hiện tại từ 6.5%/năm đến 8.5%/năm. Các khoản tiền gửi kỳ quỹ và cầm cố cho ngân hàng nhằm mục đích bảo đảm và bảo lãnh cho các khoản vay thấu chi và hoạt động xây dựng của Công ty là 15.000.000.000 đồng - Xem thêm mục 5.17.

Đầu tư vào công ty liên kết được chi tiết như sau:

	Tỷ lệ lợi ích của Công ty	Cuối năm		Đầu năm		VND
		Vốn góp theo phương pháp giá gốc	Vốn góp theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích của Công ty	Vốn góp theo phương pháp giá gốc	
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:						
Công ty Cổ phần Miền Đông - Đầu tư Hạ tầng	29%	5.782.200.000	5.170.966.780	29%	5.782.200.000	
Công ty Cổ phần Miền Đông - Cơ khí Điện máy	41%	2.000.000.000	2.325.587.020	41%	2.000.000.000	
Công ty Cổ phần Địa Ốc Miền Đông	40%	250.000.000	-	40%	250.000.000	
Cộng		8.032.200.000	7.496.553.800	29%	8.032.200.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN MIỀN ĐÔNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

5.3. Phải thu của khách hàng

	Cuối năm	VND Đầu năm
Công ty TNHH MTV Xổ Số Kiến Thiết Tp.HCM	17.739.182.478	-
BQL TD Srepok3	9.117.887.028	9.117.887.028
BQL DATĐ 5 (NMTĐ Buôn ku ốp)	7.111.933.121	7.111.933.121
Cty TNHH Phúc Đạt	6.825.287.610	6.825.287.610
Đại học Mở TP HCM	5.583.560.485	-
BQLDA B Tuarsah	4.922.207.512	4.922.207.512
Tổng Cty XD Số 1-TNHH MTV(NĐ Duyên hải TràVinh)	4.703.692.506	-
Cty Cp PTHT & Bất Động Sản Thái Bình Dương	4.221.447.424	9.302.842.154
Cty TNHH Gang Thép Hưng Nghiệp FORMOSA Hà Tĩnh	3.425.672.451	2.200.055.000
Tổng Cty XD Số 1 -CT Nghi Sơn -Thanh Hoá	2.932.486.376	5.195.467.303
Khác	17.080.256.371	18.213.389.342
Cộng	83.663.613.362	62.889.069.070

Giá trị nợ phải thu dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay tại thời điểm cuối năm là 21.152.027.661 đồng - Xem thêm mục 5.17.

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm mục 7:

	Cuối năm	VND Đầu năm
Tổng Công ty Xây Dựng số 1 – TNHH MTV	8.137.825.200	5.932.022.689

5.4. Trả trước cho người bán

	Cuối năm	VND Đầu năm
Cty CP Han Lien Import/Export & Manufacture(MT)	796.000.000	796.000.000
Cty An Thịnh	600.000.000	600.000.000
Cty xây lắp cơ giới - ĐTTM Contraxim CT Buontusa	431.544.777	431.544.777
Cty CP XD điện Khang Thịnh	366.708.000	-
Cty CP Phước Ngọc Linh (Tân Mỹ)	278.767.259	278.767.259
Khác	6.290.920.692	9.575.944.548
Cộng	8.763.940.728	11.682.256.584

5.5. Phải thu khác

	Cuối năm	VND Đầu năm
Ngắn hạn:		
Tạm ứng	2.982.640.667	4.011.558.545
Đền bù giải phóng mặt bằng thủy điện Đa Dâng	-	9.208.118.000
Khác	1.246.044.678	1.450.484.297
Cộng	4.228.685.345	14.670.160.842
Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	181.704.000	181.704.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MIỀN ĐÔNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

5.6. Nợ xấu và phải thu khó đòi

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Nợ phải thu quá hạn	8.820.406.633	709.550.502	8.820.406.633	727.961.686
Trả trước cho người bán khó có khả năng thu hồi	158.282.460	-	158.282.460	-
Phải thu khác khó có khả năng thu hồi	1.479.462.169	-	567.299.541	-
Cộng	10.458.151.262	709.550.502	9.545.988.634	727.961.686

Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
CT TNHH Phúc Đạt	6.825.287.610	(6.825.287.610)	6.825.287.610	(6.825.287.610)
CT CP Hân Liên	796.000.000	(796.000.000)	-	-
Khách hàng khác	2.836.863.652	(2.127.313.150)	2.720.701.024	(1.992.739.338)
Cộng	10.458.151.262	(9.748.600.760)	9.545.988.634	(8.818.026.948)

5.7. Hàng tồn kho

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	906.485.158	(224.292.835)	5.321.550.308	(388.378.282)
Công cụ dụng cụ	-	-	103.694.182	-
Chi phí sản xuất dở dang	76.277.680.630	-	67.442.488.241	-
Hàng hóa bất động sản	28.703.274.234	-	28.703.274.234	-
Cộng	105.887.440.022	(224.292.835)	101.571.006.965	(388.378.282)

- Giá trị nguyên vật liệu kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm là 224.292.835 đồng.
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay tại thời điểm cuối năm là 28.703.274.227 đồng - Xem thêm mục 5.17.

CÔNG TY CỔ PHẦN MIỀN ĐÔNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục					VND
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	16.265.343.428	21.386.194.582	9.181.303.841	1.819.237.642	48.652.079.493
Mua trong năm	-	-	717.892.909	-	717.892.909
Tăng khác	-	-	-	82.395.238	82.395.238
Thanh lý	-	(2.347.523.928)	(1.376.120.481)	(82.395.238)	(3.806.039.647)
Số dư cuối năm	16.265.343.428	19.038.670.654	8.523.076.269	1.819.237.642	45.646.327.993
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	2.619.673.089	5.585.406.756	5.802.701.831	1.692.728.419	15.700.510.095
Khấu hao trong năm	815.815.980	1.384.187.928	728.301.464	165.080.075	3.093.385.447
Thanh lý	-	(2.347.523.928)	(1.076.270.479)	(82.395.238)	(3.506.189.645)
Số dư cuối năm	3.435.489.069	4.622.070.756	5.454.732.816	1.775.413.256	15.287.705.897
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	13.645.670.339	15.800.787.826	3.378.602.010	126.509.223	32.951.569.398
Tại ngày cuối năm	12.829.854.359	14.416.599.898	3.068.343.453	43.824.386	30.358.622.096

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 7.368.561.519 đồng (31/12/2014: 7.087.630.706 đồng).

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 2.013.426.767 đồng – Xem thêm mục 5.17.

CÔNG TY CỔ PHẦN MIỀN ĐÔNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

5.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	VND
			Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	608.300.000	449.977.900	1.058.277.900
Mua trong năm	-	47.000.000	47.000.000
Thanh lý trong năm	-	(319.129.000)	(319.129.000)
Số dư cuối năm	608.300.000	177.848.900	786.148.900
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	442.477.891	442.477.891
Khấu hao trong năm	-	11.416.677	11.416.677
Thanh lý trong năm	-	(319.129.000)	(319.129.000)
Số dư cuối năm	-	134.765.568	134.765.568
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	608.300.000	7.500.009	615.800.009
Tại ngày cuối năm	608.300.000	43.083.332	651.383.332

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 130.848.900 đồng.

Quyền sử dụng đất đã dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 608.300.000 đồng – Xem thêm mục 5.17.

5.10. Tài sản dở dang dài hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Dự án Mỏ Đá	13.792.559.556	10.703.366.264
Dự án Điện Gió	1.026.144.892	1.026.144.892
Nhà máy Xi măng Minh Tâm	-	17.809.774.771
Dự án Thủy điện Đa Dâng 3	-	9.471.473.605
Cộng	14.818.704.448	39.010.759.532

Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng dự án Nhà máy Xi măng Minh Tâm cho Công ty Cổ phần Xuân Thành Group theo hợp đồng số 20-2015/MDC ngày 26 tháng 02 năm 2015 và Dự án Thủy điện Đa Dâng 3 cho Công ty Cổ phần Thủy Điện Đa Dâng 3 theo hợp số 29/HĐKT-MDC ngày 31 tháng 10 năm 2014.

5.11. Chi phí trả trước dài hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Công cụ, dụng cụ	2.424.667.431	4.115.379.454
Chi phí chờ phân bổ của dự án mỏ đá Tân Mỹ	66.840.622.383	69.699.817.560
Cộng	69.265.289.814	73.815.197.014

Quyền khai thác mỏ đá của Công ty đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm 5.17.

CÔNG TY CỔ PHẦN MIỀN ĐÔNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

5.12. Phải trả người bán

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Cty TNHH Hoàng Kim	6.487.773.843	6.487.773.843	202.242.278	202.242.278
Cty CP Xây Lắp Thương Mại Nguyên Tâm	3.539.272.098	3.539.272.098	1.180.538.104	1.180.538.104
Công Ty CP Xây Dựng Long Giang	822.212.278	822.212.278	898.770.931	898.770.931
Công ty Minh Thỏa	748.150.542	748.150.542	748.150.542	748.150.542
Cty CP Đầu tư, xây dựng & TM Quốc Tế Vita	692.444.501	692.444.501	2.134.000.000	2.134.000.000
Cty TNHH Tư Vấn và Xây Dựng IP	517.976.168	517.976.168	-	-
Cty TNHH SX XD TM Lý Gia Phát	1.689.530.683	1.689.530.683	-	-
Cty Công Nghiệp & Xây Dựng Sài Gòn	992.706.687	992.706.687	-	-
Cty TNHH MTV TM Thép Hải Hưng	527.750.146	527.750.146	-	-
Các khoản phải trả người bán khác	21.302.508.346	21.302.508.346	43.237.014.933	43.237.014.933
Cộng	<u>37.320.325.292</u>	<u>37.320.325.292</u>	<u>48.400.716.788</u>	<u>48.400.716.788</u>

Phải trả người bán là các bên liên quan - Xem thêm mục 7.

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tổng Công ty Xây Dựng số 1 – TNHH MTV	1.667.865.545	9.337.882.297
Cty CP Miền Đông - Đầu tư hạ tầng	59.400.000	-
Công ty CP Miền Đông- Cơ khí Điện Máy	17.749.080	53.897.055
Cộng	<u>1.745.014.625</u>	<u>9.391.779.352</u>

5.13. Người mua trả tiền trước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Lê Hoàng Minh	5.637.060.000	-
Lưu Thị Minh Hương K15	4.203.617.400	-
Cty Cổ Phần xây dựng Số 5- TLD Lao động Việt Nam	3.977.000.000	-
Phạm Ngọc Vinh	3.067.752.000	-
Cty CP Đầu Tư XD Quốc tế Việt Nhật	2.966.969.002	3.990.000.000
Phòng tài chính kế hoạch TP Biên Hoà-KP2 mới 2.7	2.940.000.000	2.940.000.000
Quý Đầu Tư Phát Triển Bình Dương	1.695.907.098	-
Căn hộ chung cư 135-Newtown (14-C1)	1.420.000.000	-
CTy TNHH TM và Du Lịch Âu Lạc	2.000.000.000	-
Khác	28.312.686.419	21.157.911.759
Cộng	<u>56.220.991.919</u>	<u>28.087.911.759</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MIỀN ĐÔNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

5.14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

				VND
	Cuối năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Đầu năm
Thuế phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	1.933.912.832	7.627.835.094	9.351.038.065	3.657.115.803
Thuế TNDN	2.029.198.087	2.029.198.087	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	92.643.866	69.680.899	706.715.149	729.678.116
Thuế tài nguyên	13.997.366.474	16.807.291.897	4.127.549.356	1.317.623.933
Thuế khác	3.019.009.419	3.856.946.222	1.889.227.835	1.051.291.032
Cộng	21.072.130.678	30.390.952.199	16.074.530.405	6.755.708.884

5.15. Chi phí phải trả

			VND
	Cuối năm	Đầu năm	
Lãi vay	17.424.360	110.902.927	
Chi phí trích trước của các công trình	8.412.652.777	36.411.622	
Chi phí khác	105.546.915	145.000.000	
Cộng	8.535.624.052	292.314.549	

Chi tiết trích trước các công trình:

			VND
	Cuối năm	Đầu năm	
Công trình Quỹ ĐTPT Bình Dương	3.392.175.712	-	
Công Trình Đại Học Mở	2.707.302.813	-	
Công Trình Nhà Khách Thành Ủy	1.642.226.993	-	
Khác	-	36.411.622	
Cộng	8.412.652.777	36.411.622	

5.16. Phải trả khác

			VND
	Cuối năm	Đầu năm	
Ngắn hạn			
Kinh phí công đoàn	1.362.674.776	1.343.350.426	
Bảo hiểm xã hội	272.840.772	484.053.597	
Phải trả cổ tức bên liên quan – Xem thêm mục 7	414.956.053	3.019.449.554	
Phải trả cổ tức đối tượng khác	198.267.893	198.267.893	
Phải trả khác	7.617.136.620	4.024.180.905	
Cộng	9.865.876.114	9.069.302.375	
Dài hạn			
Ký cược, ký quỹ	-	615.727.200	

CÔNG TY CỔ PHẦN MIỀN ĐÔNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

5.17. Vay và nợ thuê tài chính

		Cuối năm		Trong năm		Đầu năm		VND
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn								
Vietcombank - CN Đồng Nai	(a)	11.306.794.611	11.306.794.611	36.102.033.168	(59.739.801.816)	34.944.563.259	34.944.563.259	
BIDV - CN Đồng Nai	(b)	57.372.634.278	57.372.634.278	96.279.644.421	(116.231.586.799)	77.324.576.656	77.324.576.656	
BIDV - CN Đồng Nai (thấu chi)	(c)	7.742.667.227	7.742.667.227	3.164.238.170	(6.398.020.638)	10.976.449.695	10.976.449.695	
BIDV - CN Gia Định	(d)	2.085.483.000	2.085.483.000	2.085.483.000	-	-	-	
Vietinbank - VN10		-	-	-	(11.000.000.000)	11.000.000.000	11.000.000.000	
VP Bank - CN Hồ Chí Minh	(e)	1.686.800.000	1.686.800.000	2.305.800.000	(619.000.000)	-	-	
Vay khác		500.000.000	500.000.000	500.000.000	-	-	-	
Cộng		80.694.379.116	80.694.379.116	140.437.198.759	(193.988.409.253)	134.245.589.610	134.245.589.610	
Vay dài hạn								
VP Bank - CN Hồ Chí Minh	(f)	551.000.000	551.000.000	551.000.000	-	-	-	
Cộng		81.245.379.116	81.245.379.116	140.988.198.759	(193.988.409.253)	134.245.589.610	134.245.589.610	

- (a) Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Đồng Nai (Vietcombank) theo Hợp đồng tín dụng số 2015046/HM4/KHDN ngày 6 tháng 10 năm 2015, hạn mức cho vay là 35.000.000.000 đồng; thời hạn vay là 10 tháng kể từ ngày nhận nợ (lãi suất hiện tại là 8,5%/năm); mục đích vay để bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh; tài sản đảm bảo là GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 085563 và ký quỹ tiền gửi với giá trị 4 tỷ đồng - Xem thêm các mục 5.1 và 5.9.
- (b) Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đồng Nai (BIDV) theo Hợp đồng số 23/2015/378264/HĐTD ngày 10 tháng 08 năm 2015; hạn mức tín dụng có bảo lãnh là 58.000.000.000 đồng; thời hạn vay đến ngày 31/07/2016; lãi suất vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể (hiện tại là 9%/năm); mục đích vay để bổ sung vốn lưu động; khoản vay được đảm bảo bằng tài sản tài sản cố định, hàng tồn kho, nợ phải thu và quyền khai thác mỏ đá của Công ty - Xem thêm các mục 5.3, 5.7, 5.8 và 5.11.
- (c) Vay thấu chi ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Đồng Nai (BIDV) theo hợp đồng thấu chi số 14/2014/HĐ ngày 14 tháng 10 năm 2014; hạn mức thanh toán tối đa là 13.500.000.000 đồng; lãi suất hiện tại là 6,5%/năm; mục đích vay để bổ sung vốn lưu động; tài sản đảm bảo là hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 15.000.000.000 đồng tại ngân hàng BIDV - Xem thêm mục 5.2.
- (d) Khoản vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Định (BIDV) theo Hợp đồng tín dụng số 305/2015/6919611/HĐTD ngày 06 tháng 11 năm 2015, hạn mức cho vay là 10.000.000.000 đồng; thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày nhận nợ (lãi suất hiện tại là 10,5%/năm); mục đích vay để bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh; tài sản đảm bảo là bất động sản của bên thứ ba.

CÔNG TY CỔ PHẦN MIỀN ĐÔNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

- (e) Là khoản vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Thành phố Hồ Chí Minh (VPbank) theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số SME/PNT/15/0116/HDHM ngày 05 tháng 10 năm 2015, hạn mức cho vay là 1.700.000.000 đồng, hạn mức cấp bảo lãnh là: 5.000.000.000 đồng; thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày nhận nợ (lãi suất hiện tại là 10,7%/năm); mục đích vay để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh; thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên liên quan, tọa lạc tại thửa đất số 28, tờ bản đồ số 98, địa chỉ 278/3/12 Nguyễn Xí, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Tp. HCM.
- (f) Là khoản vay dài hạn ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Thành phố Hồ Chí Minh (VPbank) theo Hợp đồng cấp tín dụng số SME/PNT/15/0112/HDTD ngày 09 tháng 10 năm 2015; thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày nhận nợ (lãi suất hiện tại là 10,7%/năm); mục đích vay thanh toán tiền mua xe Ford Ranger 2.2L, XLT-MT theo hợp đồng mua bán số 094/1509-CFT-HĐMB ngày 07/09/2015; để đảm bảo khoản vay thế chấp xe ô tô Ford Rager theo hợp đồng thế chấp số SME/PNT/15/0112/HĐTC – Xem thêm mục 5.8.

5.18. Vốn chủ sở hữu

5.18.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

							VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	108.890.310.000	41.757.121.909	(2.967.507.603)	26.684.522.626	5.481.269.542	-	179.845.716.474
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	(40.303.991.867)	-	(40.303.991.867)
Trích Quỹ	-	-	-	492.369.177	(492.369.177)	-	-
Trích Quỹ khen thưởng	-	-	-	-	(227.851.000)	-	(227.851.000)
Chi cổ tức	-	-	-	-	(3.097.434.300)	-	(3.097.434.300)
Xử lý lỗ	-	(40.303.991.867)	-	-	40.303.991.867	-	-
Số dư cuối năm trước	108.890.310.000	1.453.130.042	(2.967.507.603)	27.176.891.803	1.663.615.065	-	136.216.439.307
Số dư đầu năm nay	108.890.310.000	1.453.130.042	(2.967.507.603)	27.176.891.803	1.663.615.065	-	136.216.439.307
Lãi(lỗ) trong năm nay	-	-	-	-	2.614.309.067	99.413.564	2.713.722.631
Tăng khác	-	-	-	-	337.434.538	-	337.434.538
Góp vốn từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	2.470.000.000	2.470.000.000
Số dư cuối năm nay	108.890.310.000	1.453.130.042	(2.967.507.603)	27.176.891.803	4.615.358.670	2.569.413.564	141.737.596.476

CÔNG TY CỔ PHẦN MIỀN ĐÔNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

5.18.2. Vốn của cổ đông

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Cổ đông Nhà nước	21.048.430.000	19%	21.048.430.000	19%
Các cổ đông khác	87.841.880.000	81%	87.841.880.000	81%
Cộng	108.890.310.000	100%	108.890.310.000	100%

5.18.3. Quỹ đầu tư và phát triển

Tập đoàn không tiếp tục trích Quỹ dự phòng tài chính và chuyển số dư Quỹ dự phòng tài chính vào Quỹ đầu tư phát triển theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

5.18.4. Cổ phiếu

	Cuối năm	VND Đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	10.889.031	13.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng:	10.889.031	10.889.031
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ):	(564.250)	(564.250)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành:	10.324.781	10.324.781

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

5.18.5. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	VND Năm trước
Lãi/(lỗ) thuần thuộc cổ đông công ty mẹ	2.614.309.067	(40.303.991.867)
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	10.324.781	10.324.781
Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phần (EPS)	253	(3.904)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn không có các cổ phiếu tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	VND Năm trước
Doanh thu từ hoạt động khai thác đá	58.174.986.676	28.878.693.389
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản	18.310.994.507	3.203.186.609
Doanh thu từ hoạt động xây lắp	166.100.541.758	125.541.211.013
Doanh thu từ hoạt động khác	212.437.498	2.835.054.545
Doanh thu thuần	242.798.960.439	160.458.145.556

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	VND Năm trước
Giá vốn của hoạt động khai thác đá	36.131.107.813	23.127.262.567
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	11.189.816.466	3.203.186.609
Giá vốn của hoạt động xây lắp	167.480.117.606	147.105.404.717
Giá vốn của hoạt động khác	229.654.337	3.376.182.783
Cộng	215.030.696.222	176.812.036.676

CÔNG TY CỔ PHẦN MIỀN ĐÔNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

6.3. Chi phí hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	9.217.877.525	17.297.890.312
Chi phí tài chính khác	-	442.800.000
Cộng	9.217.877.525	17.740.690.312

6.4. Chi phí bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	633.397.300	459.169.674
Chi phí vật liệu, dụng cụ	173.630.048	134.137.210
Chi phí khấu hao TSCĐ	121.885.984	121.885.984
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.479.604.585	3.675.162.191
Chi phí bán hàng khác	1.647.739.976	1.585.072.788
Cộng	8.056.257.893	5.975.427.847

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	7.649.993.364	6.417.417.665
Chi phí vật liệu, dụng cụ	760.544.930	1.082.375.759
Chi phí khấu hao TSCĐ	740.632.602	943.557.372
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.459.416.733	2.420.839.000
Chi phí quản lý khác	808.860.634	637.039.808
Chi phí dự phòng	930.573.812	8.092.444.947
Cộng	12.350.022.075	19.593.674.551

6.6. Thu nhập khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập chuyển nhượng dự án	4.786.958.258	-
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản	2.268.422.955	3.620.909.093
Tiền điện tại mỏ đá Tân Mỹ	232.512.451	570.011.222
Khác	358.156.391	427.729.880
Cộng	7.646.050.055	4.618.650.195

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN MIỀN ĐÔNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

6.7. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay	VND Năm trước
a. Hoạt động kinh doanh bất động sản và chuyển nhượng dự án		
Doanh thu và thu nhập khác	23.097.952.765	3.203.186.609
Giá vốn và chi phí phân bổ	(13.768.419.597)	(3.594.330.329)
Chuyển lỗ BĐS năm trước	(391.143.720)	-
Thu nhập tính thuế	8.938.389.448	(391.143.720)
Thuế suất thuế TNDN	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (I)	1.966.445.679	-
b. Hoạt động xây lắp và khác		
Doanh thu và thu nhập khác	228.448.471.455	169.047.096.386
Giá vốn và chi phí phân bổ	(231.342.913.753)	(219.963.049.196)
Các khoản điều chỉnh tăng	3.179.680.515	1.764.063.019
Thu nhập tính thuế	285.238.217	(49.151.889.791)
Thuế suất thuế TNDN	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (II)	62.752.408	-
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước (III)	-	(103.637.291)
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành (IV)=(I)+(II)+(III)	2.029.198.087	(103.637.291)

6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.069.089.414	-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	-	(10.899.467.372)
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	1.069.089.414	(10.899.467.372)

Tài sản thuế TNDN hoãn lại của Công ty và những biến động trong năm và năm trước được trình bày như sau:

	Chuyển lỗ hoạt động KDBDT và CNDA	Chuyển lỗ hoạt động xây lắp và khác	Cộng
Số dư đầu năm trước	-	-	-
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm trước	(86.051.618)	(10.813.415.754)	(10.899.467.372)
Số dư đầu năm nay	(86.051.618)	(10.813.415.754)	(10.899.467.372)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm nay	86.051.618	983.037.796	1.069.089.414
Số dư cuối năm nay	-	(9.830.377.958)	(9.830.377.958)

023
CÔ
TÂN
ÊM
Đ. T
PH

CÔNG TY CỔ PHẦN MIỀN ĐÔNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	80.140.704.194	63.859.819.357
Chi phí nhân công	51.023.344.258	35.794.746.552
Chi phí khấu hao	4.200.868.360	3.704.844.766
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.808.541.213	77.428.526.844
Chi phí khác	22.804.176.568	22.076.371.702
Tổng cộng	213.977.634.593	202.864.309.221

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

- Trong năm, Tập đoàn đã có giao dịch trọng yếu với các đơn vị và cá nhân dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26:

Danh sách các bên liên quan

	<u>Mối quan hệ</u>
1. Tổng công ty xây dựng số 1 – TNHH MTV	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
2. Công ty Cổ phần Miền Đông - Đầu tư Hạ tầng	Công ty liên kết
3. Công ty Cổ phần Miền Đông - Cơ khí Điện máy	Công ty liên kết
4. Công ty Cổ phần Địa Ốc Miền Đông	Công ty liên kết

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu - Xem thêm các mục 5.3		
Tổng Công ty Xây Dựng số 1 – TNHH MTV	8.137.825.200	5.932.022.689
Phải trả người bán - Xem thêm 5.12		
Tổng Công ty Xây Dựng số 1 – TNHH MTV	1.667.865.545	9.337.882.297
Công ty CP Miền Đông - Đầu tư hạ tầng	59.400.000	-
Công ty CP Miền Đông- Cơ khí Điện Máy	17.749.080	53.897.055
Cộng	1.745.014.625	9.391.779.352
Phải trả khác		
Tổng Công ty Xây Dựng số 1 – TNHH MTV	414.956.053	3.019.449.554

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cung cấp dịch vụ		
Tổng Công ty Xây Dựng số 1 – TNHH MTV	17.414.292.199	29.141.432.021
Mua nguyên vật liệu		
Tổng Công ty Xây Dựng số 1 – TNHH MTV	22.494.642.132	-

- Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	VND	
Tên	Năm nay	Năm trước
Thù lao HĐQT và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	1.144.244.926	1.184.604.700

CÔNG TY CỔ PHẦN MIỀN ĐÔNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

8. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Lĩnh vực kinh doanh: Công ty có các lĩnh vực kinh doanh như sau: hoạt động khai thác đá; hoạt động kinh doanh bất động sản và chuyển nhượng dự án; hoạt động xây lắp và hoạt động khác.

	Khai thác đá	Kinh doanh bất động sản và chuyển nhượng dự án	Hoạt động xây lắp	Hoạt động khác	VND Cộng
Doanh thu và thu nhập khác	58.174.986.676	23.097.952.765	170.061.047.281	212.437.498	251.546.424.220
Chi phí trực tiếp	36.131.107.813	11.189.816.466	167.936.597.241	229.654.337	215.487.175.857
Chi phí phân bổ	6.995.260.165	2.777.416.861	20.449.016.625	25.544.579	30.247.238.231
Lợi nhuận trước thuế	15.048.618.698	9.130.719.438	(18.324.566.585)	(42.761.418)	5.812.010.132

Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Tập đoàn hoàn toàn tại Việt Nam, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực đại lý cần thiết phải thuyết minh.

(Xem trang tiếp theo)

